

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/DS-PT

Ngày 28 - 8 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Điều Thị Kim Liên.

*Các Thẩm phán:*

Ông Cầm Xuân Thủy.

Ông Đỗ Tuấn Long.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đỗ Nhật Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2024/TLDS-PT ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP LV (Ngân hàng TMCP LP Việt Nam theo Quyết định số 423/QĐ-TTGSNH2 ngày 15/7/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

Trụ sở: Tòa nhà TH, B Trần Q, HK, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Minh T - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Sơn La; Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Hoàng Trọng H - Chuyên viên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Quàng Văn T2. Địa chỉ: Tổ C, phường D, thành phố P, tỉnh Sơn La. Có mặt.

*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lù Văn N. Địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố P, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Ông Lù Văn S, bà Tòng Thị T. Địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố P, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lù Văn S, bà Tòng Thị T: Ông Lù Văn M. Địa chỉ: Bản CP, xã D2, thành phố P, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn ông Quàng Văn T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lù Văn N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 30/3/2021, Ngân hàng TMCP LV - chi nhánh Sơn La (nay là Ngân hàng TMCP LP Việt Nam) và ông Quàng Văn T2 đã cùng ký kết hợp đồng tín dụng số HĐTD22020210201, mục đích vay để sản xuất nông nghiệp trồng cây na thái. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là 02 bất động sản, bao gồm:

01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 70a, tờ bản đồ số 21-6, địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố P, tỉnh Sơn La; Diện tích 200m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 793305, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00028/QĐ:294 do UBND thành phố P cấp ngày 28/01/2016 cho ông Lù Văn N.

01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 70 và 706, tờ bản đồ số 21-6, địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố P, tỉnh Sơn La; Diện tích: 200m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 793303, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00028/QĐ:295 do UBND thành phố P cấp ngày 28/01/2016 cho ông Lù Văn N.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Quàng Văn T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 31/3/2023, Ngân hàng đã nhiều lần thúc nợ, nhưng ông T2 vẫn không trả nợ đúng hạn. Do đó, Ngân hàng đã làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông T2 phải thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết.

Ngân hàng TMCP LV yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Quàng Văn T2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng cho vay đã ký toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 16/5/2024 (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) là: 1.716.851.493đ (một tỷ, bảy trăm mười sáu triệu, tám trăm năm mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 1.691.844.786đ (một tỷ, sáu trăm chín mươi một triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng), tiền lãi chậm trả gốc là 25.006.707đ (hai mươi lăm triệu không trăm linh sáu nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng). Đề nghị ông Quàng Văn T2 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HĐTD22020210201 ngày 30/3/2021 đến khi hết nợ.

Trường hợp ông Quàng Văn T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì

Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông Quàng Văn T2 vẫn phải tiếp tục trả nợ cho ngân hàng cho đến khi hết nợ.

*Theo bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Quàng Văn T2 trình bày:*

Ngày 30/3/2021, Ngân hàng TMCP LV - chi nhánh Sơn La và ông đã cùng kí kết hợp đồng tín dụng số HĐTD22020210201, mục đích vay để sản xuất nông nghiệp trồng cây na thái. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là 02 bất động sản, bao gồm:

01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 70a, tờ bản đồ số 21-6, địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố P, tỉnh Sơn La; Diện tích 200m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 793305, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00028/QĐ:294 do UBND thành phố P cấp ngày 28/01/2016 cho ông Lù Văn N.

01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 70 và 70b, tờ bản đồ số 21-6, địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố P, tỉnh Sơn La; Diện tích: 200m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 793303, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00028/QĐ:295 do UBND thành phố P cấp ngày 28/01/2016 cho ông Lù Văn N.

Ông Quàng Văn T2 xác nhận vay vốn của ngân hàng LV số tiền gốc 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn), nhưng do tình hình làm ăn khó khăn, thời gian vay vốn đối với giống na Đài Loan và Thái Lan cho thu hoạch quả là từ năm thứ 04 trở đi nên ông T2 đã đề nghị vay 15 (mười lăm) năm và thời gian trả nợ là từ cuối năm thứ 04 trở đi, đến nay mới được hơn 02 (hai) năm Ngân hàng LV đã yêu cầu ông T2 trả nợ nên ông chưa trả được với các lý do: Cây trồng chưa đến kỳ thu hoạch; do thiên tai hạn hán kéo dài nên cây bị chết phải trồng lại; do dịch Covid 19 nên không thuê được nhân công chăm sóc cây mặc dù đã trồng 1.500 cây xong dẫn đến cây bị chết và kém phát triển. Trong quá trình làm việc với ngân hàng LV, ông T2 đã viết giấy xin đề nghị gia hạn gửi ngân hàng với các lý do trên và đưa ra phương án trả nợ đối với ngân hàng.

Ông Quàng Văn T2 cho rằng ông mới được nhận giải ngân 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn) tiền mặt, nhận tại phòng làm việc của ông Đỗ Đức T3 là chuyên viên của ngân hàng LV. Số tiền 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn), Ngân hàng LV đã giải ngân bằng hình thức chuyển khoản cho ông Nguyễn Quang TR và ông Trần Ngọc R mà ông T2 không quen biết và ông không được nhận tiền. Do đó ông T2 không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị nguyên đơn cung cấp các bản gốc

của Hợp đồng, giấy đề nghị giải ngân, biên bản làm việc. Ông T2 cho rằng có thể ngân hàng đã làm các chữ kí photo của ông T2 để hoàn thiện hồ sơ vay, chứ ông T2 không trực tiếp kí và yêu cầu Ngân hàng phải cung cấp bản gốc của các Hợp đồng, giấy đề nghị giải ngân, biên bản làm việc. Ông T2 trình bày chữ kí trên Giấy đề nghị chuyển tiền ngày 30/3/2021 và ngày 31/3/2021 có thể là của ông nhưng chữ viết thì không phải và đề nghị Toà án ra Quyết định trưng cầu giám định đối với chữ viết chữ kí trên Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị chuyển tiền ngày 30, 31/3/2021. Tuy nhiên hết thời hạn nộp tạm ứng án phí theo thông báo của Toà án, ông T2 không nộp tạm ứng chi phí giám định do không có tiền nộp.

Ngày 16/5/2024, Toà án cấp sơ thẩm tiếp tục mở lại phiên toà, ông T2 trình bày chữ viết trên 02 Giấy đề nghị chuyển tiền không phải là chữ viết của ông, chữ kí thì đúng là chữ kí của ông và đề nghị Toà án giám định chữ viết trên 02 Giấy chuyển tiền ngày 30/3/2021 và ngày 31/3/2021.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Lù Văn N trình bày:*

Tại bản tự khai và các buổi hòa giải, ông Lù Văn N xác nhận ông có thể chấp 02 tài sản: 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 70a, tờ bản đồ số 21-6, địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố P, tỉnh Sơn La; Diện tích 200m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 793305, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00028/QĐ:294 do UBND thành phố P cấp ngày 28/01/2016 mang tên Lù Văn N; 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 70 và 70b, tờ bản đồ số 21-6, địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố P, tỉnh Sơn La; Diện tích: 200m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 793303, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00028/QĐ:295 do UBND thành phố P cấp ngày 28/01/2016 mang tên Lù Văn N để đảm bảo cho khoản vay của ông Quảng Văn T2 theo hợp đồng vay vốn với ngân hàng LV số tiền 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Nhưng do tình hình làm ăn khó khăn, thời gian vay vốn đối với giống na Đài Loan và Thái Lan cho thu hoạch quả là từ năm thứ 04 trở đi nên ông T2 đã đề nghị vay 15 (mười lăm) năm và thời gian trả nợ là từ cuối năm thứ 04 trở đi, đến nay mới được hơn 02 (hai) năm ngân hàng LV đã yêu cầu ông T2 trả nợ nên ông chưa trả được với các lý do: Cây trồng chưa đến kỳ thu hoạch; Do thiên tai hạn hán kéo dài nên cây bị chết phải trồng lại; Do dịch Covid 19 nên không thuê được nhân công chăm sóc cây mặc dù đã trồng 1.500 cây xong dẫn đến cây bị chết và kém phát triển. Trong quá trình làm việc với ngân hàng LV, ông T2 đã viết giấy xin đề nghị gia hạn gửi ngân hàng với các lý do trên vào ngày 07/4/2023 và đưa ra phương án trả nợ đối với ngân hàng.

Tại buổi hòa giải ngày 17/11/2023, ông N xác nhận ông T2 đã nhận giải ngân trực tiếp số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn) và

khoảng 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng chẵn) để tất toán khoản vay cũ từ ngân hàng TMCP LV, ngân hàng nói rằng sẽ giải ngân nhiều lần. Còn lại số tiền khoảng 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng chẵn) chưa giải ngân.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/3/2024, ông N trình bày ông T2 mới chỉ được nhận giải ngân 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn) tiền mặt còn số tiền 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn) Ngân hàng LV đã giải ngân bằng hình thức chuyển khoản cho ông Nguyễn Quang TR và ông Trần Ngọc R mà ông T2 và ông N đều không quen biết. Do đó ông N không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ngày 16/5/2024, Tòa án tiếp tục mở lại phiên tòa, ông T2 trình bày chữ viết trên 02 Giấy đề nghị chuyển tiền không phải là chữ viết của ông, chữ kí thì đúng là chữ kí của ông Trung. Ông T2, ông N đề nghị Tòa án giám định chữ viết trên 02 Giấy chuyển tiền ngày 30/3/2021 và ngày 31/3/2021; đề nghị Tòa án triệu tập ông Nguyễn Quang TR, ông Trần Ngọc R đến tham gia phiên tòa với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và triệu tập các giao dịch viên ngân hàng có tên trên Giấy yêu cầu chuyển tiền ngày 30/3/2021 và ngày 31/3/2021 xem có đúng nội dung yêu cầu chuyển tiền như vậy không.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lù Văn S, bà Tòng Thị T và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Ông S và bà T là bố mẹ đẻ của ông Lù Văn N cùng sinh sống với ông N trên nhà và đất đã được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng LV cho ông Quảng Văn T2. Tài sản dùng để bảo đảm là tài sản riêng của ông N, ông bà nhất trí không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 16/5/2024; Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 11/2024/QĐ-SCBSBA ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điều 227, điều 228, điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, điều 119, điều 292, điều 307, điều 319, điều 320, điều 351, điều 357, điều 463, điều 466, điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP LV: Buộc bị đơn ông Quảng Văn T2 phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ (tính đến ngày

16/5/2024) là: 1.716.851.493đ (một tỷ, bảy trăm mười sáu nghìn, tám trăm năm mươi một triệu, bốn trăm chín mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn), tiền lãi là 341.844.786đ (ba trăm bốn mươi một triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng), tiền lãi chậm trả gốc là 25.006.707đ (hai mươi lăm triệu không trăm linh sáu nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong số tiền trên, bị đơn ông Quàng Văn T2 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HĐTD22020210201 ngày 30/3/2021 cho đến khi hết nợ.

Trường hợp ông Quàng Văn T2 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP LV có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0074/2021/HĐTC/CNSONLA ngày 30/3/2021 kí giữa Ngân hàng TMCP LV - chi nhánh Sơn La, ông Lù Văn N được chứng nhận tại trụ sở Văn phòng công chứng Hà Lanh Ban, số công chứng 429, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông Quàng Văn T2 vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP LV đến khi hết nợ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Do không đồng ý với Bản án sơ thẩm, ngày 28/5/2024 bị đơn ông Quàng Văn T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lù Văn N làm đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Sơn La.

*\* Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ý kiến của nguyên đơn: Quá trình kí kết hợp đồng tín dụng với ông Quàng Văn T2 và Hợp đồng thế chấp tài sản với ông Lù Văn N đều đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đối với số tiền dư nợ của bị đơn Quàng Văn T2 tính đến ngày 16/5/2024 cả gốc và lãi, do trong quá trình tính toán ở cấp sơ thẩm có sự sai sót, nhầm lẫn, Ngân hàng đã cung cấp bổ sung tại cấp phúc thẩm số dư nợ chính xác là: 1.987.301.410đ (gốc 1.350.000.000đ, lãi 609.998.868đ, lãi phạt chậm trả lãi 3.103.235đ, lãi phạt chậm trả gốc 24.199.307đ). Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung này còn các nội dung khác giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Ý kiến của bị đơn ông Quàng Văn T2: Việc kí Hợp đồng thế chấp tài sản và nghiệm thu tài sản ông T2 không được tham gia. Ngoài ra tại khoản A Điều 9.1 của Hợp đồng tín dụng quy định Ngân hàng phải theo dõi thẩm định trước

khi giải ngân, việc giải ngân phải được bên vay có ý kiến bằng văn bản, tuy nhiên đối với việc giải ngân ông T2 chưa có ý kiến bằng văn bản. Do đó, ông T2 giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị xét xử lại.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lù Văn N: Tại Bản án sơ thẩm, Tòa án nhận định dựa trên các Hợp đồng giao khoán, biên bản nghiệm thu do nguyên đơn cung cấp để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông Nghiệp không được tham gia cũng như không biết ông T, ông TR là ai. Ngoài ra theo Điều 9 của Hợp đồng tín dụng quy định Ngân hàng có nghĩa vụ thẩm định trước khi giải ngân, việc giải ngân phải được bên vay có ý kiến bằng văn bản, tuy nhiên bên vay không có ý kiến. Việc chuyển tiền qua thanh toán không dùng tiền mặt không được thực hiện theo giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật. Trong nhiều phiên tòa không triệu tập ông Trần Ngọc R và ông Nguyễn Quang TR là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Việc ông Quàng Văn T2 kí vào các giấy yêu cầu chuyển tiền là kí không, khi kí trong giấy yêu cầu chuyển tiền chưa có nội dung. Do đó, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị xét xử lại.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Sơn La.

Về án phí phúc thẩm: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Bị đơn ông Quàng Văn T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lù Văn N, đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định tại điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lù Văn S và bà Tòng Thị T được triệu tập hợp

lệ vắng mặt, tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của ông Sỹ, bà Tú có mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Quảng Văn T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lù Văn N:

[3.1] Về hiệu lực và quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số HĐTD22020219201 ngày 30/03/2021 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0074/2021/HĐTC/CNSONLA ngày 30/3/2021 được kí kết giữa Ngân hàng TMCP LV - Chi nhánh Sơn La và ông Quảng Văn T2, ông Lù Văn N trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hình thức hợp đồng được lập bằng văn bản, Hợp đồng thế chấp tài sản được chứng thực tại văn phòng công chứng Hà Lanh B và đăng kí thế chấp tại văn phòng đăng kí đất đai thành phố P. Mục đích và nội dung thỏa thuận trong các hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận việc kí kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản để vay số tiền gốc 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn) của Ngân hàng LV. Như vậy cả hai hợp đồng trên đều có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, buộc các bên phải thực hiện theo nội dung thỏa thuận trong các hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn cho rằng không được nhận đủ số tiền 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn) do Ngân hàng LV giải ngân vào 02 tài khoản của ông Nguyễn Quang TR, ông Trần Ngọc R, mà chỉ được nhận số tiền mặt 350.000.000đ do ông Đỗ Đức T3 là cán bộ ngân hàng đưa tiền mặt trực tiếp tại phòng làm việc của ông T3 và việc giải ngân không được thể hiện ý kiến bằng văn bản. Chữ viết và chữ kí trên 02 phiếu chuyển tiền ngày 30/3/2021 và ngày 31/3/2021 không phải là chữ viết, chữ kí của ông Quảng Văn T2.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông T2, ông N không xuất trình được giấy tờ tài liệu chứng minh việc chỉ được nhận số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn), không xuất trình được căn cứ chứng minh chữ viết, chữ kí trên 02 phiếu chuyển tiền ngày 30/3/2021 và ngày 31/3/2021 không phải là chữ viết, chữ kí của ông Quảng Văn T2. Tại cấp sơ thẩm ông T2, ông N có yêu cầu giám định chữ viết, chữ kí trên các phiếu đề nghị chuyển tiền nhưng không nộp chi phí tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ kí nên Tòa án không xem xét. Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông T2 đã thừa nhận chữ kí trên các phiếu đề nghị chuyển tiền đúng là chữ kí của ông.

Về việc bị đơn ông Quảng Văn T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lù Văn N có ý kiến cho rằng không quen ông Nguyễn Quang TR và ông Trần Ngọc R là 02 người mà Ngân hàng đã thực hiện giải ngân số tiền vay 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn) của ông T2. Trong



nhieu phiên tòa không triệu tập ông R và ông TR với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy tại giai đoạn sơ thẩm, Tòa án sơ thẩm đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Lù Văn N, ông Quảng Văn T2 không cung cấp được địa chỉ, số điện thoại của ông Nguyễn Quang TR và ông Trần Ngọc R. Ông T2, ông N cho rằng không quen biết ông Nguyễn Quang TR và ông Trần Ngọc R nhưng lại cung cấp cho Ngân hàng 03 bản photo Biên bản nghiệm thu, 01 bản photo Hợp đồng giao khoán, 01 bản photo Hợp đồng mua và trồng cây na thái, thể hiện ông T2 kí kết biên bản và hợp đồng với ông Nguyễn Quang TR và ông Trần Ngọc R. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trung thừa nhận chữ kí trong các hợp đồng trên đúng là chữ kí của ông.

Tại giai đoạn phúc thẩm Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an phường đối với ông Nguyễn Quang TR và ông Trần Ngọc R theo địa chỉ hợp đồng ông Quảng Văn T2 cung cấp trong hồ sơ. Kết quả: Tại tổ E, Phường V, thành phố P không có ai tên Trần Ngọc R, chỉ có một người tên Trần Ngọc R cư trú tại tổ L, phường V, thành phố P, tuy nhiên số chứng minh nhân dân ông R không trùng khớp với số chứng minh nhân dân của ông R đã kí kết hợp đồng với ông Quảng Văn T2 và hiện nay ông Trần Ngọc R cũng không có mặt tại nơi cư trú. Tại tổ L, Phường CS, thành phố P có ông Nguyễn Quang TR, sinh năm 2003 tuy nhiên ông TR hiện nay cũng không có mặt nơi cư trú nên không thể tiến hành lấy ý kiến về việc nhận số tiền giải ngân của Ngân hàng.

Như vậy căn cứ vào 02 Giấy yêu cầu chuyển tiền ngày 30/3/2021 và 31/3/2021, ông Quảng Văn T2 đã kí xác nhận yêu cầu ngân hàng TMCP LV chuyển tiền vào số tài khoản của ông Nguyễn Quang TR, ông Trần Ngọc R, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 22020210201/01, Giấy báo có và thông báo phí số giao dịch: 220CT01210890006 xác nhận tài khoản của Nguyễn Quang TR đã nhận được số tiền 868.000.000đ (tám trăm sáu mươi tám triệu đồng chẵn), Lệnh chuyển đi số Giao dịch 220CT03210900001 cho người nhận là Trần Ngọc R số tiền 482.000.000đ (bốn trăm tám mươi hai triệu đồng chẵn), xác nhận số tiền Ngân hàng LV đã giải ngân theo yêu cầu của ông Quảng Văn T2 là 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

[3.2] Về việc vi phạm hợp đồng: Ông Quảng Văn T2, ông Lù Văn N cho rằng hợp đồng có thời gian vay 15 (mười lăm) năm và thời gian trả nợ là từ cuối năm thứ 04 trở đi, đến nay mới được hơn 02 (hai) năm ngân hàng LV đã yêu cầu ông T2 trả nợ nên ông chưa trả được.

Theo các điều khoản của Hợp đồng tín dụng số: HĐTĐ22020210201 ngày 30/03/2021 được kí kết giữa Ngân hàng LV và ông Quảng Văn T2 về trả nợ gốc và lãi, kỳ hạn trả nợ gốc, ân hạn, trả lãi thì ông Quảng Văn T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 31/3/2023, Ngân hàng đã nhiều lần thúc nợ, nhưng ông T2 vẫn không trả nợ đúng hạn. Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T2 phải thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng đã kí kết là có căn cứ.

Đối với ý kiến của Ngân hàng tại giai đoạn phúc thẩm về việc tính nhầm số tiền dư nợ của bị đơn Quàng Văn T2 tính đến ngày đến ngày 16/5/2024 cả gốc và lãi là: 1.987.301.410đ (gốc 1.350.000.000đ, lãi 609.998.868đ, lãi phạt chậm trả lãi 3.103.235đ, lãi phạt chậm trả gốc 24.199.307đ). Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay tính đến ngày 16/5/2024 (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) là: 1.716.851.493 (một tỷ, bảy trăm mười sáu triệu, tám trăm năm mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 1.691.844.786 (một tỷ, sáu trăm chín mươi một triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng), tiền lãi chậm trả gốc là 25.006.707đ (hai mươi lăm triệu không trăm linh sáu nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng). Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn không kháng cáo do đó Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu này, cần chấp nhận số tiền mà bị đơn Quàng Văn T2 có trách nhiệm trả theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

Từ những phân tích nhận định nêu trên không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Quàng Văn T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lù Văn N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Sơn La.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên Quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2024/DS-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Sơn La.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001550 ngày 03/6/2024 và biên lai thu số 0002054 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2024).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cầm Xuân Thủy**

**Đỗ Tuấn Long**

**Đieu Thị Kim Liên**

*Nơi nhận:*

- TAND thành phố P;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đieu Thị Kim Liên**